

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

Thương mại Việt Nam - Ấn Độ 7 tháng đầu năm 2026:
Nhập khẩu tăng cao, xuất siêu của Việt Nam với Ấn Độ thu hẹp

Thuộc nhiệm vụ:
Truyền thông về các chính sách, giải pháp, hoạt động nhằm phát triển
xuất nhập khẩu và công tác hội nhập, tận dụng cam kết quốc tế
trên các bản tin và trang thông tin điện tử của Trung tâm Thông tin
Công nghiệp và Thương mại.

Hà Nội, 2026

Thương mại Việt Nam - Ấn Độ 7 tháng đầu năm 2026:

Nhập khẩu tăng cao, xuất siêu của Việt Nam với Ấn Độ thu hẹp

Theo số liệu của Cục Hải quan Việt Nam, trong 7 tháng đầu năm 2026, thương mại hàng hóa giữa Việt Nam và Ấn Độ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hai chiều đạt 11,79 tỷ USD, trong đó Việt Nam xuất khẩu sang Ấn Độ 6,98 tỷ USD, tăng 17,42% so với cùng kỳ năm 2025; Việt Nam nhập khẩu từ Ấn Độ đạt 4,81 tỷ USD, tăng 44,18%. Qua đó, Việt Nam ghi nhận mức xuất siêu 2,17 tỷ USD sang thị trường Ấn Độ, mặc dù quy mô thặng dư giảm 16,74% so với cùng kỳ năm trước.

Riêng tháng 7/2026, kim ngạch thương mại hai chiều đạt khoảng 1,69 tỷ USD, với xuất khẩu đạt 1,02 tỷ USD và nhập khẩu 665,46 triệu USD. Cán cân thương mại thặng dư 358,77 triệu USD, tăng 20,35% so với tháng 6, nhưng giảm 14,66% so với tháng 7/2025. Diễn biến này cho thấy Việt Nam vẫn duy trì thặng dư trong quan hệ thương mại với Ấn Độ, song tốc độ gia tăng nhập khẩu đang nhanh hơn đáng kể so với xuất khẩu.

Ở chiều xuất khẩu, Ấn Độ hiện chiếm khoảng 2,18% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam trong 7 tháng đầu năm, giảm nhẹ so với mức 2,26% cùng kỳ năm 2025. Tốc độ tăng xuất khẩu sang Ấn Độ (17,42%) thấp hơn tốc độ tăng chung của xuất khẩu cả nước (21,7%). Xét về quy mô, Ấn Độ vẫn nằm trong nhóm thị trường xuất khẩu quan trọng, song khoảng cách với các thị trường dẫn đầu như Hoa Kỳ, Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản còn khá lớn.

Cơ cấu xuất khẩu sang Ấn Độ tiếp tục tập trung vào các nhóm hàng công nghiệp chế biến, điện tử và máy móc. Trong 7 tháng đầu năm 2026, xuất khẩu nhóm điện thoại các loại và linh kiện dẫn đầu với 1,4 tỷ USD, chiếm 20,02% tổng kim ngạch, dù chỉ tăng 0,57% so với cùng kỳ năm trước. Thứ hai là xuất khẩu máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện đạt 1,2 tỷ USD, tăng mạnh 32,09%, nâng tỷ trọng từ 14,79% lên 16,64%. Tiếp theo, xuất khẩu máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác đạt 782,03 triệu USD, tăng 35,21%.

Đáng chú ý, xuất khẩu nhiều nhóm hàng có tốc độ tăng trưởng cao, cho thấy dư địa mở rộng thị trường còn lớn như: Xuất khẩu chất dẻo nguyên liệu tăng

186,53%, giày dép tăng 109,55%, cao su tăng 49,72% và hàng dệt may tăng 37,55%. Ngược lại, xuất khẩu hóa chất giảm 11,24%, sản phẩm từ chất dẻo giảm 9,08%, sản phẩm hóa chất giảm 7,43%, trong khi sắt thép gần như đi ngang.

Ở chiều ngược lại, nhập khẩu từ Ấn Độ tăng mạnh hơn đáng kể. Trong 7 tháng, kim ngạch nhập khẩu đạt 4,81 tỷ USD, tăng 44,18%, cao hơn tốc độ tăng nhập khẩu chung của Việt Nam là 34,8%. Nhờ đó, tỷ trọng hàng hóa của Ấn Độ trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam tăng từ 1,32% lên 1,41%, đưa Ấn Độ lên vị trí thứ 11 trong số các thị trường cung cấp hàng hóa cho Việt Nam.

Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu từ Ấn Độ là nguyên liệu, kim loại, máy móc và đầu vào phục vụ sản xuất. Nhập khẩu kim loại thường khác đứng đầu với 508,4 triệu USD, tăng 30,95%; Tiếp đến là sắt thép các loại đạt 479,2 triệu USD, tăng đột biến so với cùng kỳ; Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng đạt 422,58 triệu USD, tăng 52,24%. Đặc biệt, nhập khẩu ngô đạt 177,47 triệu USD, tăng tới 6.004,1%, trong khi thức ăn gia súc và nguyên liệu tăng 96,49%.

Trong bối cảnh Ấn Độ tiếp tục mở rộng nhu cầu nhập khẩu, cơ hội cho hàng hóa Việt Nam vẫn còn đáng kể. Trong 6 tháng đầu năm 2026, Ấn Độ nhập khẩu từ thế giới 410,8 tỷ USD, tăng 15,97%; Trong đó nhập khẩu từ Việt Nam đạt 6,3 tỷ USD, tăng 19,08%, cao hơn tốc độ tăng nhập khẩu chung của nước này. Tuy nhiên, hàng hóa của Việt Nam mới chiếm khoảng 1,53% tổng nhập khẩu của Ấn Độ và Việt Nam đứng thứ 17 trong các nguồn cung hàng hóa cho thị trường này.

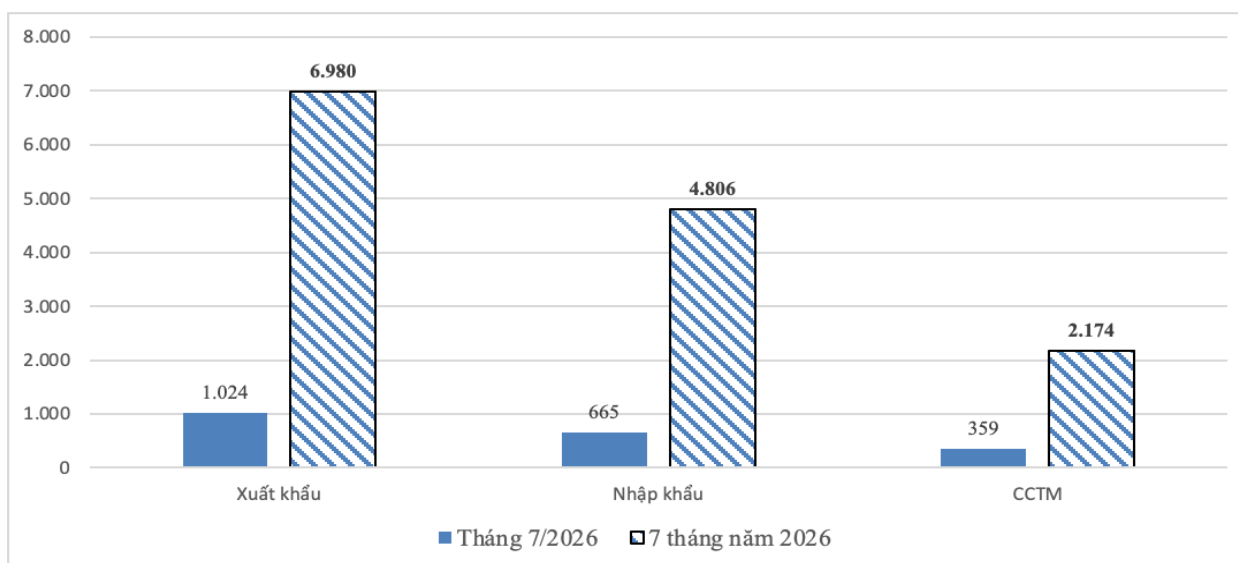
Trong thời gian tới, quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Ấn Độ được kỳ vọng sẽ tiếp tục phát triển theo hướng sâu rộng, ổn định và bền vững, trên nền tảng khuôn khổ Đối tác Chiến lược Toàn diện Tăng cường Việt Nam – Ấn Độ. Hai nước đặt mục tiêu nâng kim ngạch thương mại song phương lên 25 tỷ USD vào năm 2030, đồng thời đóng góp tích cực vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế của mỗi quốc gia.

NỘI DUNG CHI TIẾT:

Tổng quan về quan hệ thương mại Việt Nam – Ấn Độ

Theo số liệu từ Cục Hải quan Việt Nam, trong tháng 7/2026, hoạt động thương mại hàng hóa giữa Việt Nam và Ấn Độ tiếp tục duy trì quy mô lớn và ghi nhận xuất siêu khá tích cực về phía Việt Nam. Theo số liệu, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Ấn Độ đạt 1,02 tỷ USD, trong khi kim ngạch nhập khẩu từ thị trường này đạt 665 triệu USD, qua đó đưa tổng kim ngạch thương mại hai chiều lên 1,69 tỷ USD và Việt Nam xuất siêu 359 triệu USD. Đáng chú ý, xuất khẩu chiếm khoảng 60,6% tổng kim ngạch thương mại song phương, cao hơn đáng kể so với tỷ trọng 39,4% của nhập khẩu, cho thấy cán cân thương mại tiếp tục nghiêng về phía Việt Nam.

Tình hình thương mại giữa Việt Nam - Ấn Độ trong tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2026 (ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam

Tính chung 7 tháng đầu năm 2026, thương mại Việt Nam - Ấn Độ tiếp tục cho thấy xu hướng phát triển về quy mô, trong đó Việt Nam duy trì lợi thế xuất khẩu rõ rệt. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hai chiều đạt 11,79 tỷ USD, trong đó Việt Nam xuất khẩu sang Ấn Độ 6,98 tỷ USD, nhập khẩu 4,81 tỷ USD, qua đó đạt mức xuất siêu 2,17 tỷ USD. Xét về cơ cấu, xuất khẩu của Việt Nam chiếm khoảng 59,2% tổng kim ngạch thương mại hai chiều, trong khi nhập khẩu chiếm khoảng 40,8%, cho thấy vị thế tương đối thuận lợi của hàng hóa Việt Nam tại thị trường Ấn Độ.

Trong 7 tháng đầu năm 2026, cán cân thương mại giữa Việt Nam và Ấn Độ ghi nhận mức thặng dư 2,17 tỷ USD. Tuy nhiên, quy mô thặng dư này giảm 16,74% so với cùng kỳ năm 2025.

Xét riêng tháng 7/2026, cán cân thương mại đạt 358,77 triệu USD, tăng 20,35% so với tháng 6/2026. Tuy nhiên, so với tháng 7/2025, cán cân thương mại vẫn giảm 14,66%. Nhìn chung, trong 7 tháng đầu năm 2026, quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Ấn Độ vẫn duy trì trạng thái xuất siêu nghiêng về phía Việt Nam, song mức xuất siêu đã thu hẹp so với cùng kỳ năm trước.

- Đối với xuất khẩu

Theo số liệu của Cục Hải quan Việt Nam, hoạt động xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực trong tháng 7 cũng như 7 tháng đầu năm 2026, bất chấp bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều biến động. Trong tháng 7/2026, kim ngạch xuất khẩu của cả nước đạt 53,1 tỷ USD, tăng 4,5% so với tháng trước và tăng 25,01% so với cùng kỳ năm 2025. Lũy kế 7 tháng đầu năm, kim ngạch xuất khẩu đạt 319,7 tỷ USD, tăng 21,7% so với cùng kỳ năm trước. Trong cơ cấu thị trường xuất khẩu, Hoa Kỳ tiếp tục là đối tác lớn nhất với tỷ trọng 32,74%, tiếp theo là Trung Quốc (14,28%), Hàn Quốc (5,96%) và Nhật Bản (5,51%).

Trong tháng 7/2026, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Ấn Độ đạt 1,02 tỷ USD, tăng 1,35% so với tháng 6/2026 và tăng 13,39% so với cùng kỳ năm 2025. Mặc dù tốc độ tăng trưởng theo tháng không cao so với nhiều thị trường khác, xuất khẩu sang Ấn Độ vẫn duy trì được xu hướng tăng trưởng ổn định. Lũy kế 7 tháng đầu năm 2026, kim ngạch xuất khẩu sang Ấn Độ đạt 6,98 tỷ USD, tăng 17,42% so với cùng kỳ năm trước. Thị trường này chiếm 2,18% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam ra thế giới, giảm nhẹ so với mức 2,26% của cùng kỳ năm 2025. Mặc dù quy mô xuất khẩu sang Ấn Độ vẫn tăng về giá trị, tốc độ tăng vẫn thấp hơn tốc độ tăng trưởng chung của xuất khẩu cả nước (21,7%), khiến tỷ trọng của thị trường này trong tổng kim ngạch xuất khẩu có xu hướng thu hẹp.

Xét về quy mô kim ngạch, Ấn Độ hiện đứng thứ 7 trong nhóm 10 thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, xếp sau Hoa Kỳ, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Hồng Kông (Trung Quốc) và Hà Lan, nhưng vẫn đứng trên Đức, Thái Lan, Anh, Mexico, Canada và Đài Loan (Trung Quốc).

So với các đối thủ cạnh tranh trong nhóm dẫn đầu, quy mô xuất khẩu sang Ấn Độ vẫn còn khiêm tốn. Kim ngạch xuất khẩu sang Hoa Kỳ cao gấp khoảng 15 lần, sang Trung Quốc cao gấp 6,5 lần, còn Hàn Quốc và Nhật Bản cũng cao hơn khoảng 2,5–2,7 lần. Tuy nhiên, xét trong nhóm các thị trường có quy mô trung bình, Ấn Độ vẫn duy trì được vị trí khá ổn định. Đây được đánh giá là một trong những thị trường còn nhiều dư địa để Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu các nhóm hàng có lợi thế như điện thoại và linh kiện, máy vi tính – điện tử, sắt thép, hóa chất, cao su, hạt tiêu, cà phê và thủy sản.

10 thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam và vị thế của Ấn Độ trong các đối tác xuất khẩu

Thị trường	Tháng 7/2026 (Nghìn USD)	So với tháng 6/2026 (%)	So với tháng 7/2025 (%)	7 tháng năm 2026 (Nghìn USD)	So với 7 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
						7 tháng năm 2026	7 tháng năm 2025
Tổng	53.095.475	4,5	25,01	319.729.977	21,7	100	100
Hoa Kỳ	18.395.584	8,62	29,44	104.693.597	23,02	32,74	32,40
Trung Quốc	7.665.191	-1,91	33,17	45.643.074	30,9	14,28	13,28
Hàn Quốc	3.199.109	19,08	22,2	19.059.298	16,17	5,96	6,25
Nhật Bản	2.858.785	5,17	23,7	17.628.995	16,58	5,51	5,76
Hồng Kông	1.897.317	-16,91	7,83	12.795.386	35,89	4,00	3,59
Hà Lan	1.580.268	9,9	32,4	9.417.514	26,42	2,95	2,84
Ấn Độ	1.024.237	1,35	13,39	6.980.066	17,42	2,18	2,26
Đức	1.167.000	18,79	55,99	6.867.403	24,92	2,15	2,09
Thái Lan	889.205	-4,39	29,05	6.524.755	34,25	2,04	1,85
Anh	879.370	1,75	9,27	5.386.962	15,11	1,68	1,78

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Theo số liệu thống kê từ Cục Hải quan Việt Nam, cơ cấu hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang Ấn Độ trong 7 tháng đầu năm 2026 tiếp tục cho thấy xu hướng tập trung vào nhóm hàng công nghiệp chế biến, đặc biệt là các mặt hàng điện tử, máy móc và thiết bị công nghệ cao. Đồng thời, nhiều nhóm hàng nguyên liệu, công nghiệp hỗ trợ và tiêu dùng cũng ghi nhận tốc độ tăng trưởng tích cực.

Đứng đầu trong cơ cấu xuất khẩu là điện thoại các loại và linh kiện. Riêng tháng 7/2026, kim ngạch mặt hàng này đạt 223,3 triệu USD, tăng 29,72% so với tháng trước và tăng 8,66% so với cùng kỳ năm 2025, tiếp tục giữ vị trí là mặt hàng xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Ấn Độ trong tháng. Lũy kế 7 tháng đầu năm, kim ngạch đạt 1,4 tỷ USD, chiếm 20,02% tổng kim ngạch xuất khẩu sang Ấn Độ. Tuy nhiên, mức tăng trưởng chỉ đạt 0,57% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn đáng kể so với tốc độ tăng chung của xuất khẩu sang thị trường này.

Xếp thứ hai là máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện với kim ngạch 1,2 tỷ USD trong 7 tháng đầu năm, tăng 32,09% so với cùng kỳ năm 2025 và chiếm 16,64% tổng kim ngạch xuất khẩu sang Ấn Độ. Đây là một trong những nhóm hàng có tốc độ tăng trưởng trong nhóm hàng chủ lực, đồng thời tỷ trọng cũng tăng từ 14,79% trong 7 tháng đầu năm 2025 lên 16,64% trong 7 tháng đầu năm 2026.

Trong 10 nhóm hàng xuất khẩu chủ lực, có thể thấy một số điểm đáng chú ý. Thứ nhất, nhóm hàng công nghệ và công nghiệp chế biến tiếp tục giữ vai trò chi phối, khi ba nhóm hàng lớn nhất gồm điện thoại và linh kiện, máy vi tính – điện tử và máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác đạt tổng kim ngạch hơn 3,34 tỷ USD, chiếm gần 48% tổng kim ngạch xuất khẩu sang Ấn Độ. Trong đó, nhóm máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác đạt 782,03 triệu USD, tăng 35,21%, nâng tỷ trọng từ 9,73% lên 11,20%.

Nhiều nhóm hàng ghi nhận mức tăng trưởng rất cao, nổi bật là chất dẻo nguyên liệu tăng tới 186,53%, giày dép các loại tăng 109,55%, cao su tăng 49,72% và hàng dệt may tăng 37,55%. Mặc dù quy mô kim ngạch chưa lớn, đây đều là những tín hiệu tích cực cho thấy thị phần của hàng hóa Việt Nam đang được mở rộng tại Ấn Độ ở nhiều lĩnh vực khác nhau, từ nguyên liệu đầu vào cho sản xuất đến hàng tiêu dùng và công nghiệp nhẹ.

Ngược lại, bên cạnh các nhóm hàng tăng trưởng mạnh vẫn tồn tại một số mặt hàng có dấu hiệu chững lại hoặc suy giảm. Hóa chất giảm 11,24%, sản phẩm từ chất dẻo giảm 9,08%, sản phẩm hóa chất giảm 7,43%, trong khi sắt thép các loại gần như đi ngang với mức tăng chỉ 0,08%, tỷ trọng giảm từ 7,07% còn 6,03%...

**Xuất khẩu hàng hoá của Việt Nam sang thị trường Ấn Độ trong tháng 7
và 7 tháng đầu năm 2026**

Mặt hàng	Tháng 7/2026 (Nghìn USD)	So với tháng 6/2026 (%)	So với tháng 7/2025 (%)	7 tháng năm 2026 (Nghìn USD)	So với 7 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
						7 tháng năm 2026	7 tháng năm 2025
Tổng	1.024.237	1,35	13,39	6.980.066	17,42	100	100
Điện thoại các loại và linh kiện	223.280	29,72	8,66	1.397.118	0,57	20,02	23,37
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	202.104	5,38	31,58	1.161.193	32,09	16,64	14,79
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	124.411	2,07	39,32	782.028	35,21	11,20	9,73
Sắt thép các loại	31.406	-35,53	-56,3	420.676	0,08	6,03	7,07
Chất dẻo nguyên liệu	32.483	-51,79	291,94	229.102	186,53	3,28	1,35
Hóa chất	39.168	5,52	19	224.490	-11,24	3,22	4,25
Hàng dệt, may	29.594	12,38	40,32	160.053	37,55	2,29	1,96
Phương tiện vận tải và phụ tùng	22.446	-4,59	-2,15	159.818	17,3	2,29	2,29
Sản phẩm từ chất dẻo	15.868	3,51	-34,87	151.045	-9,08	2,16	2,79
Cao su	35.454	42,9	102,68	126.517	49,72	1,81	1,42
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	16.283	-14,91	-13,38	113.653	6,18	1,63	1,80
Giày dép các loại	16.675	33,83	-34,72	108.433	109,55	1,55	0,87
Sản phẩm hóa chất	13.087	-12,02	-6,56	85.098	-7,43	1,22	1,55
Sản phẩm từ sắt thép	9.794	-29,09	-27,88	82.882	2,64	1,19	1,36
Cà phê	5.705	-22,72	132,42	63.018	314,53	0,90	0,26
Gỗ và sản phẩm gỗ	8.556	-22,08	62,01	53.847	-30,33	0,77	1,30
Hạt tiêu	5.120	-40,95	25,66	44.848	-31,55	0,64	1,10
Xơ, sợi dệt các loại	4.630	-23,49	-14,93	35.613	-17,29	0,51	0,72
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	3.853	14,51	69,05	27.081	11,07	0,39	0,41
Sản phẩm mây, tre, cói và thảm	3.177	8,96	55,5	23.209	22,29	0,33	0,32
Kim loại thường khác	3.532	0,24		22.061		0,32	
Sản phẩm từ cao su	2.444	-3,75	45,2	14.982	30,57	0,21	0,19

Mặt hàng	Tháng 7/2026 (Nghìn USD)	So với tháng 6/2026 (%)	So với tháng 7/2025 (%)	7 tháng năm 2026 (Nghìn USD)	So với 7 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
						7 tháng năm 2026	7 tháng năm 2025
Hàng thủy sản	2.351	0,61	46,92	14.025	23,02	0,20	0,19
Hạt điều	1.718	-28,67	85,45	7.211	-40,73	0,10	0,20
Sản phẩm gốm, sứ	780	-13,85	0,29	4.464	9,64	0,06	0,07
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	483	0,59	39,78	2.377	29,43	0,03	0,03
Chè	29	5,75	-95,37	2.183	-27,78	0,03	0,05
Hàng hóa khác	169.805	0,07	46,57	1.463.040	102,39	20,96	12,16

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Theo số liệu từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), trong tháng 6/2026, kim ngạch nhập khẩu hàng hoá của Ấn Độ đạt 70,7 tỷ USD, giảm 3,59% so với tháng trước, nhưng tăng 31,29% so với cùng kỳ năm trước. Luỹ kế 6 tháng đầu năm, Ấn Độ đã nhập khẩu từ thế giới 410,8 tỷ USD, tăng 15,97% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó, Trung Quốc là thị trường cung ứng hàng hoá lớn nhất cho Ấn Độ với kim ngạch nhập khẩu của Ấn Độ từ Trung Quốc trong tháng 6/2026 đạt 13,3 tỷ USD, tăng 4,8% so với tháng trước và tăng 40,25% so với cùng kỳ năm trước. Luỹ kế 6 tháng đầu năm 2026, Ấn Độ đã nhập khẩu từ Trung Quốc 73,7 tỷ USD, tăng 25,76% so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ trọng 17,94% trong tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá của Ấn Độ.

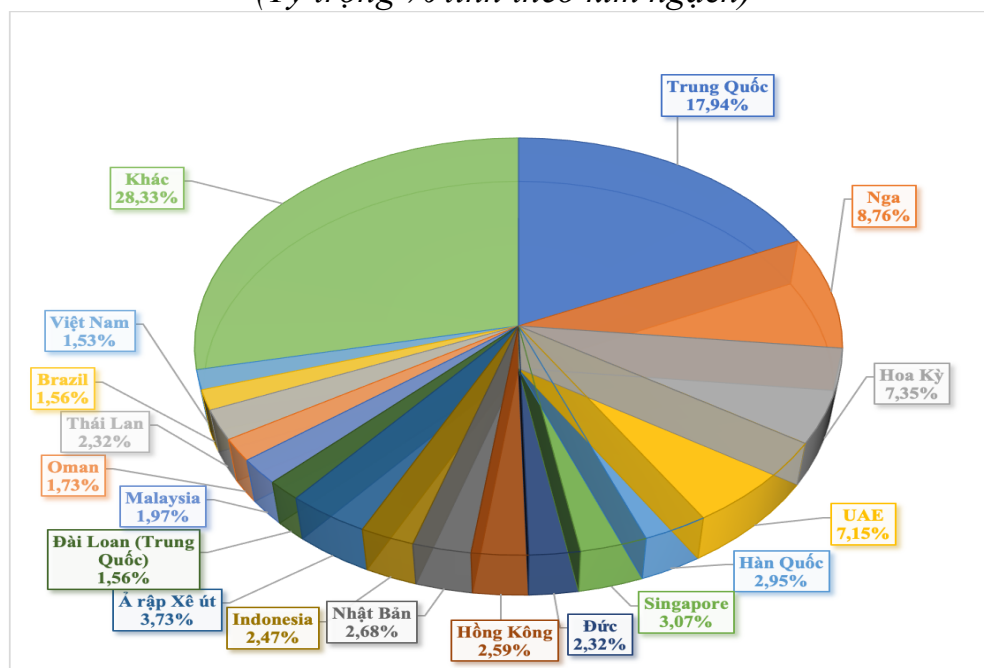
Thị trường cung ứng hàng hoá lớn thứ hai cho Ấn Độ trong 6 tháng đầu năm 2026 là Nga với trị giá nhập khẩu đạt 36 tỷ USD, tăng 16,33% so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ trọng 8,76% trong tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá của Ấn Độ.

Việt Nam là thị trường cung ứng hàng hoá lớn thứ 17 cho Ấn Độ trong 6 tháng đầu năm 2026. Chỉ tính riêng tháng 6/2026, Ấn Độ đã nhập khẩu từ Việt Nam 1,01 tỷ USD, giảm 0,52% so với tháng trước nhưng tăng 12,57% so với cùng kỳ năm trước. Luỹ kế 6 tháng đầu năm, Ấn Độ đã nhập khẩu từ Việt Nam 6,3 tỷ USD, tăng 19,08% so với cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 1,53% trong tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá của Ấn Độ.

Xét về quy mô, Việt Nam hiện chưa phải là đối tác cung ứng hàng hóa lớn của Ấn Độ khi chỉ xếp thứ 17 và chiếm 1,53% tổng kim ngạch nhập khẩu của nước này. Khoảng cách giữa Việt Nam với các nhà cung ứng hàng đầu như Trung Quốc (17,94%) và Nga (8,76%) vẫn còn khá lớn. Tuy nhiên, điểm tích cực là tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam sang Ấn Độ (19,08%) vượt tốc độ tăng nhập khẩu bình quân của Ấn Độ (15,97%), cho thấy năng lực cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam đang được cải thiện.

Các nguồn cung hàng hoá lớn cho thị trường Ấn Độ 6 tháng đầu năm 2026

(Tỷ trọng % tính theo kim ngạch)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC)

- Đối với nhập khẩu

Theo số liệu thống kê của Cục Hải quan Việt Nam, trong tháng 7/2026, hoạt động nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam tiếp tục duy trì đà tăng trưởng mạnh, với kim ngạch đạt 56,67 tỷ USD, tăng 6,1% so với tháng 6/2026 và tăng tới 41,42% so với tháng 7/2025. Đây là mức tăng khá cao, cho thấy nhu cầu nhập khẩu nguyên liệu, máy móc, thiết bị và các loại đầu vào phục vụ sản xuất trong nước tiếp tục gia tăng trong bối cảnh hoạt động công nghiệp và thương mại mở rộng. Tính chung 7 tháng đầu năm 2026, kim ngạch nhập khẩu đạt 340,05 tỷ USD, tăng 34,8% so với cùng kỳ năm 2025, cao hơn đáng kể tốc độ tăng của xuất khẩu (21,7%).

Trong các đối tác nhập khẩu của Việt Nam, Trung Quốc tiếp tục giữ vị trí áp đảo và là nguồn cung hàng hóa lớn nhất trong 7 tháng đầu năm 2026, với kim ngạch nhập khẩu đạt 138,64 tỷ USD, tăng 36,6% so với cùng kỳ năm 2025, chiếm 40,77% tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam. Khoảng cách giữa Trung Quốc và các đối tác đứng sau là rất lớn: kim ngạch nhập khẩu từ Trung Quốc cao gần 2,7 lần Hàn Quốc, đối tác lớn thứ hai với 51,39 tỷ USD, đồng thời chiếm hơn 40% tổng nhập khẩu của Việt Nam. Đài Loan đứng thứ ba với 27,92 tỷ USD, chiếm 8,21%; tiếp đến là Nhật Bản đạt 16,11 tỷ USD, Hoa Kỳ 13,31 tỷ USD, Thái Lan 9,51 tỷ USD, Malaysia 8,87 tỷ USD và Indonesia 7,74 tỷ USD...

Đối với Ấn Độ, kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam trong tháng 7/2026 đạt 665,46 triệu USD, giảm 6,6% so với tháng 6/2026, nhưng vẫn tăng 37,82% so với tháng 7/2025. Tính chung 7 tháng đầu năm 2026, Việt Nam nhập khẩu từ Ấn Độ 4,81 tỷ USD, tăng 44,18% so với cùng kỳ năm 2025; mức tăng này cao hơn tốc độ tăng nhập khẩu chung của Việt Nam (34,8%). Nhờ đó, tỷ trọng của Ấn Độ trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam đã tăng từ 1,32% trong 7 tháng năm 2025 lên 1,41% trong 7 tháng năm 2026, cho thấy vị trí của Ấn Độ trong mạng lưới nguồn cung của Việt Nam đang từng bước được cải thiện. Xét về quy mô, 4,81 tỷ USD vẫn là mức khá khiêm tốn so với các đối tác nhập khẩu hàng đầu, nhưng tốc độ tăng trưởng lại thuộc nhóm tương đối cao, cho thấy quan hệ thương mại hai chiều Việt Nam - Ấn Độ đang có thêm dư địa mở rộng.

So với các đối thủ cạnh tranh trong nhóm đối tác nhập khẩu, Ấn Độ hiện đứng thứ 11 trong danh sách các thị trường được thống kê, sau Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, Hoa Kỳ, Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Singapore và Australia; tuy nhiên, xét về tốc độ tăng trưởng, vị thế của Ấn Độ đáng chú ý hơn so với thứ hạng về quy mô. Mức tăng 44,18% của nhập khẩu từ Ấn Độ trong 7 tháng đầu năm cao hơn Trung Quốc (36,6%), Nhật Bản (16,98%), Hoa Kỳ (26,24%), Thái Lan (27,43%), Indonesia (17,15%) và Australia (24,57%), đồng thời cũng nhỉnh hơn Malaysia (43,27%). Tuy vậy, Ấn Độ vẫn thấp hơn một số nguồn cung có tốc độ tăng rất cao như Đài Loan (54,98%), Hàn Quốc (52,43%) và Singapore (51,41%).

**15 thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam và vị thế của Ấn Độ
trong tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2026**

Thị trường	Tháng 7/2026 (Nghìn USD)	So với tháng 6/2026 (%)	So với tháng 7/2025 (%)	7 tháng năm 2026 (Nghìn USD)	So với 7 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
						7 tháng năm 2026	7 tháng năm 2025
Tổng	56.668.258	6,1	41,42	340.053.829	34,8	100	100
Trung Quốc	23.403.622	3,76	39,51	138.639.828	36,6	40,77	40,23
Hàn Quốc	9.042.249	12,71	70,41	51.389.356	52,43	15,11	13,36
Đài Loan (TQ)	5.294.969	24,09	63,86	27.922.492	54,98	8,21	7,14
Nhật Bản	2.486.571	6,97	13,99	16.111.593	16,98	4,74	5,46
Hoa Kỳ	2.061.420	-0,82	23,7	13.311.673	26,24	3,91	4,18
Thái Lan	1.786.299	22,27	56,24	9.514.082	27,43	2,80	2,96
Malaysia	1.432.490	10,11	45,2	8.868.887	43,27	2,61	2,45
Indonesia	1.276.790	9,87	49,33	7.735.227	17,15	2,27	2,62
Singapore	659.972	-27,48	27,28	5.426.406	51,41	1,60	1,42
Australia	905.444	10,66	59,7	5.231.679	24,57	1,54	1,66
Ấn Độ	665.464	-6,6	37,82	4.806.285	44,18	1,41	1,32
Campuchia	279.156	-8,18	-15,94	4.036.908	6,62	1,19	1,50
Brazil	431.293	-1,53	11,99	3.307.547	13,04	0,97	1,16
Đức	428.608	6,78	17,07	2.730.828	20,89	0,80	0,90
Achentina	385.108	-9,65	42,14	2.432.744	21,94	0,72	0,79

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Theo số liệu thống kê của Cục Hải quan Việt Nam, trong cơ cấu hàng hóa nhập khẩu của Việt Nam từ Ấn Độ trong 7 tháng đầu năm 2026, các nhóm nguyên liệu đầu vào cho sản xuất, kim loại, máy móc và linh kiện vẫn chiếm tỷ trọng chủ đạo. Đáng chú ý, nhiều mặt hàng nguyên liệu công nghiệp ghi nhận tốc độ tăng trưởng rất cao, cho thấy nhu cầu nhập khẩu phục vụ sản xuất trong nước tiếp tục gia tăng.

Đứng đầu trong cơ cấu nhập khẩu là kim loại thường khác. Riêng tháng 7/2026, Việt Nam nhập khẩu mặt hàng này đạt 83,71 triệu USD, tăng 10,28% so với tháng trước và tăng 30,63% so với cùng kỳ năm 2025, tiếp tục giữ vị trí là

nhóm hàng nhập khẩu lớn nhất từ Ấn Độ trong tháng. Lũy kế 7 tháng đầu năm 2026, kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này đạt 508,40 triệu USD, tăng 30,95% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 10,58% tổng kim ngạch nhập khẩu từ thị trường này. Mặc dù vẫn dẫn đầu về quy mô, tỷ trọng của nhóm hàng đã giảm nhẹ từ 11,65% của 7 tháng năm 2025 xuống 10,58% trong 7 tháng đầu năm nay.

Xếp thứ hai là sắt thép các loại với kim ngạch 479,20 triệu USD trong 7 tháng đầu năm, tăng đột biến tới 4 con số so với cùng kỳ năm trước. Tỷ trọng của mặt hàng này cũng tăng mạnh từ 0,86% lên 9,97%, trở thành một trong những động lực tăng trưởng quan trọng nhất trong nhập khẩu từ Ấn Độ.

Đứng thứ ba là máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác, kim ngạch đạt 422,58 triệu USD trong 7 tháng đầu năm, tăng 52,24% so với cùng kỳ năm 2025 và chiếm 8,79% tổng kim ngạch nhập khẩu. Tỷ trọng của nhóm hàng này cũng tăng từ 8,33% của cùng kỳ năm ngoái lên 8,79% trong 7 tháng đầu năm nay, cho thấy doanh nghiệp Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh nhập khẩu máy móc, thiết bị phục vụ đầu tư mở rộng sản xuất và đổi mới công nghệ.

Nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam từ Ấn Độ trong tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2026

Mặt hàng	Tháng 7/2026 (Nghìn USD)	So với tháng 6/2026 (%)	So với tháng 7/2025 (%)	7 tháng năm 2026 (Nghìn USD)	So với 7 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
						7 tháng năm 2026	7 tháng năm 2025
Tổng	665.464	-6,6	37,82	4.806.285	44,18	100	100
Kim loại thường khác	83.711	10,28	30,63	508.398	30,95	10,58	11,65
Sắt thép các loại	67.846	44,75	996,53	479.198	1564,81	9,97	0,86
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	63.363	3,36	59,42	422.583	52,24	8,79	8,33
Hàng thủy sản	37.979	-27,06	-6,89	295.445	6,85	6,15	8,29
Linh kiện, phụ tùng ô tô	27.315	2,93	-10,58	242.526	19,75	5,05	6,08
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	19.051	-47,33	-6,94	185.058	96,49	3,85	2,83
Ngô	8.449	-79,82		177.469	6004,1	3,69	0,09
Dược phẩm	29.247	7,09	18,7	175.093	1,83	3,64	5,16
Hóa chất	28.209	-33,08	41,29	169.249	14,86	3,52	4,42

Mặt hàng	Tháng 7/2026 (Nghìn USD)	So với tháng 6/2026 (%)	So với tháng 7/2025 (%)	7 tháng năm 2026 (Nghìn USD)	So với 7 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
						7 tháng năm 2026	7 tháng năm 2025
Sản phẩm hóa chất	15.199	0,95	-0,5	122.477	17,65	2,55	3,12
Xơ, sợi dệt các loại	19.036	9,94	79,61	112.565	27,8	2,34	2,64
Thuốc trừ sâu và nguyên liệu	10.400	4,96	-16,92	91.047	18,49	1,89	2,31
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	6.390	-20,79	-12,59	72.491	5,96	1,51	2,05
Bông các loại	12.171	75,35	98,46	58.817	5,75	1,22	1,67
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	8.070	16,52	25,49	54.943	6,14	1,14	1,55
Hàng rau quả	9.824	50,5	19,21	54.650	26,88	1,14	1,29
Sản phẩm khác từ dầu mỏ	2.475	-28,59	29,69	51.467	318,45	1,07	0,37
Chất dẻo nguyên liệu	7.796	1,87	38,08	42.489	-46,23	0,88	2,37
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	5.689	-46,77	135,97	42.335	79,72	0,88	0,71
Sản phẩm từ sắt thép	6.347	9,9	54,3	41.705	53,82	0,87	0,81
Vải các loại	5.680	-9,34	8,75	41.577	-7,33	0,87	1,35
Nguyên phụ liệu dược phẩm	5.927	3,77	30,46	36.610	-18,86	0,76	1,35
Sản phẩm từ chất dẻo	4.978	-7,55	51,81	32.507	43,08	0,68	0,68
Quặng và khoáng sản khác	5.146	0,76	71,04	30.578	85,61	0,64	0,49
Cao su	3.314	64,37	-21,22	21.226	-17,26	0,44	0,77
Dầu mỡ động, thực vật	2.969	-19,14	-44,67	20.740	8,11	0,43	0,58
Sản phẩm từ cao su	1.713	-32,26	-46,11	14.598	-5,04	0,30	0,46
Giấy các loại	1.022	-47,28	-7,77	11.133	-1,48	0,23	0,34
Ô tô nguyên chiếc các loại	500	-18,1		3.082	6680,47	0,06	0,00
Phân bón các loại	499	-17,23	43,63	2.791	50,63	0,06	0,06
Điện thoại các loại và linh kiện	412	36,2	4,8	2.478	-74,99	0,05	0,30
Nguyên phụ liệu thuốc lá	1.402	1.482,28	-28,13	1.964	-41,57	0,04	0,10
Hàng hóa khác	163.337	-3,76	32,55	1.186.972	32,2	24,70	26,93

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Trong nhóm 10 mặt hàng nhập khẩu chủ lực, một số nhóm hàng có tốc độ tăng trưởng đặc biệt nổi bật. Ngô là mặt hàng đáng chú ý khi kim ngạch nhập khẩu đạt 177,47 triệu USD, tăng tới 6.004,1% so với cùng kỳ năm trước, kéo tỷ trọng từ 0,09% lên 3,69%. Bên cạnh đó, thức ăn gia súc và nguyên liệu cũng tăng 96,49%.

Ngoài ra, xơ, sợi dệt các loại cũng tăng 27,8%; linh kiện, phụ tùng ô tô tăng 19,75%...

Ở chiều ngược lại, một số mặt hàng có xu hướng giảm tỷ trọng trong cơ cấu nhập khẩu. Hàng thủy sản dù vẫn đạt 295,45 triệu USD, chỉ tăng 6,85% so với cùng kỳ nhưng tỷ trọng giảm từ 8,29% xuống 6,15%. Dược phẩm tăng khiêm tốn 1,83%, khiến tỷ trọng giảm từ 5,16% xuống còn 3,64%. Tương tự, hóa chất tăng 14,86% và sản phẩm hóa chất tăng 17,65%, song đều có tỷ trọng giảm so với cùng kỳ năm trước.

Thông tin về định hướng thúc đẩy quan hệ thương mại giữa hai nước trong thời gian tới.

Trong thời gian tới, quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Ấn Độ được kỳ vọng sẽ tiếp tục phát triển theo hướng sâu rộng, ổn định và bền vững, trên nền tảng khuôn khổ Đối tác Chiến lược Toàn diện Tăng cường Việt Nam – Ấn Độ. Hai nước đặt mục tiêu nâng kim ngạch thương mại song phương lên 25 tỷ USD vào năm 2030, đồng thời đóng góp tích cực vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế của mỗi quốc gia. Để hiện thực hóa mục tiêu này, cần tập trung khai thác hiệu quả các lĩnh vực có tính bổ trợ cao, thúc đẩy đa dạng hóa cơ cấu hàng hóa xuất nhập khẩu và mở rộng hợp tác trong các ngành công nghiệp chế biến, điện tử, công nghệ cao, hóa chất, nông sản và thủy sản. Bên cạnh đó, doanh nghiệp Việt Nam cần chủ động nâng cao năng lực đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật bắt buộc theo hệ thống BIS của Ấn Độ, cập nhật kịp thời những thay đổi về chính sách quản lý nhập khẩu, đồng thời xây dựng hệ thống kiểm soát chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế nhằm giảm thiểu rủi ro trong quá trình xuất khẩu.

Song song với việc nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, công tác xúc tiến thương mại cũng cần được đổi mới theo hướng chuyên sâu và hiệu quả hơn. Việc tăng cường kết nối doanh nghiệp hai nước thông qua các hội chợ, diễn đàn thương mại, chương trình giao thương trực tiếp và trực tuyến sẽ góp phần mở rộng mạng lưới đối tác, phát triển chuỗi cung ứng và tạo điều kiện để hàng hóa Việt Nam thâm nhập sâu hơn vào thị trường Ấn Độ. Các cơ quan quản lý cần đẩy mạnh hoạt động cung cấp thông tin thị trường, cảnh báo sớm các vụ việc phòng vệ thương mại, hỗ trợ doanh nghiệp xử lý các rào cản kỹ thuật, đồng thời tăng cường

phối hợp với phía Ấn Độ trong việc tháo gỡ những khó khăn phát sinh trong hoạt động xuất nhập khẩu.

Về lâu dài, với quy mô dân số hơn 1,46 tỷ người, tầng lớp trung lưu ngày càng mở rộng, nhu cầu tiêu dùng không ngừng gia tăng, thị trường Ấn Độ vẫn được đánh giá là một trong những thị trường giàu tiềm năng đối với hàng hóa Việt Nam. Nếu tận dụng tốt các cơ hội từ xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng, đẩy mạnh đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm và xây dựng thương hiệu, doanh nghiệp Việt Nam hoàn toàn có thể mở rộng thị phần tại thị trường này. Sự phối hợp chặt chẽ giữa Chính phủ, các cơ quan xúc tiến thương mại và cộng đồng doanh nghiệp sẽ là yếu tố quan trọng để thúc đẩy quan hệ thương mại Việt Nam – Ấn Độ phát triển theo hướng cân bằng, bền vững và hiệu quả, tạo nền tảng vững chắc để đạt mục tiêu 25 tỷ USD kim ngạch thương mại song phương vào năm 2030.

Đánh giá triển vọng

Bên cạnh những cơ hội rộng mở, doanh nghiệp Việt Nam cũng cần lưu ý xu hướng gia tăng bảo hộ thương mại tại Ấn Độ. Những năm gần đây, Ấn Độ được đánh giá là một trong những quốc gia sử dụng các biện pháp phòng vệ thương mại tích cực nhất thế giới, với việc thường xuyên khởi xướng các vụ điều tra chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ nhằm bảo vệ ngành sản xuất trong nước. Song song đó, nước này không ngừng mở rộng các hàng rào kỹ thuật và các tiêu chuẩn bắt buộc khiến yêu cầu đối với hàng hóa nhập khẩu ngày càng khắt khe hơn. Tuy nhiên, những rào cản này không làm giảm sức hấp dẫn của thị trường Ấn Độ đối với hàng hóa Việt Nam.

Triển vọng xuất khẩu của Việt Nam sang Ấn Độ tiếp tục được củng cố nhờ tính bổ trợ giữa hai nền kinh tế và quan hệ Đối tác Chiến lược Toàn diện Tăng cường Việt Nam – Ấn Độ. Các nhóm hàng như điện thoại và linh kiện, điện tử, máy móc thiết bị, hóa chất, cao su, nông sản, thủy sản, gỗ và sản phẩm gỗ vẫn còn nhiều dư địa mở rộng thị phần tại thị trường này. Cùng với đó, việc hai nước hướng tới mục tiêu nâng kim ngạch thương mại song phương lên 25 tỷ USD vào năm 2030, đẩy mạnh kết nối doanh nghiệp, xúc tiến thương mại và nâng cấp khuôn khổ hợp tác kinh tế sẽ tạo thêm động lực để hàng hóa Việt Nam thâm nhập sâu hơn vào chuỗi phân phối và hệ thống bán lẻ của Ấn Độ.